

Đề bài: Cảm nhận về tình đồng chí thiêng liêng giữa những người lính Cách mạng trong bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu

Bài làm 1

Có những cái nhìn về hình ảnh người lính ở những hoàn cảnh và những khía cạnh khác nhau. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ ác liệt như Bài thơ về tiểu đội xe không kính, hay khi hoà bình đã lập lại trên khắp đất nước Việt Nam như Ánh trăng. Và ở mỗi thời kì, những người lính lại thực sự gắn bó với nhau bởi một thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Có thể khẳng định rằng thứ tình cảm ấy đều có những nét tương đồng nhưng ở một góc nhìn nào đó, nó lại có nét riêng biệt. Và Chính Hữu đã làm nên nét riêng biệt về tình cảm đồng chí đồng đội của người lính cách mạng thời kì kháng chiến chống Pháp qua bài thơ Đồng chí.

Bài thơ Đồng chí được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Pháp, cuộc kháng chiến của quân và dân Việt Nam. Bởi vậy, bài thơ dường như hoà quyện vẻ đẹp của quê hương, của nông thôn Việt Nam. Nhưng đặc sắc và tinh tế chính là: ở Đồng chí ta thấy được sự chia sẻ lúc ốm đau, lúc nhớ nhà và khi gian khổ. Ở Đồng chí có một thứ tình cảm gắn kết giữa những người lính, thì tình cảm mà có thể dễ dàng nhận thấy ở một tác phẩm nào khác. Nhưng có điều, ở một tác phẩm khác, trong một hoàn cảnh khác, tình đồng chí đồng đội được cảm nhận theo một cách khác.

Với thể thơ tự do, diễn tả cảm xúc lắng đọng Đồng chí đã thực sự thể hiện cơ sở thiêng liêng để hình thành tình đồng chí. Nó xuất phát từ những điều thực sự giản đơn mà những người lính nhận ra ở nhau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Những người lính ấy đều xuất thân từ những miền quê đồng chiêm nước trũng. Nếu như nơi anh ra đi là đồng chua nước mặn, là miền trung du nghèo đói; thì nơi tôi ra đời là mảnh đất cằn cỗi chỉ toàn sỏi đá. Những người lính nhận thấy ở nhau cùng một hoàn cảnh xuất thân. Họ đều là những người nông dân chân lấm tay bùn vác súng đi lên để tham gia kháng chiến, để bảo vệ quê hương. Có lẽ vì thế, tình cảm cao đẹp giữa những người lính còn xuất phát từ một lí tưởng chung:

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Có thể nhận thấy rõ hình ảnh súng bên súng không giản đơn là một hình ảnh để cho người đọc thấy rằng họ cùng chung công việc và nhiệm vụ. Nhưng sâu xa hơn, những người lính cùng ý thức được nhiệm vụ đó, cùng hiểu rõ và nhận ra rằng: lí tưởng của họ là chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Và hai chữ tri kỉ thật thiêng liêng. Đôi tri kỉ hình thành từ hai con người hoàn toàn xa lạ, đến từ những phương trời khác nhau sẽ chia tấm chăn vào những đêm giá rét. Thật đơn giản, họ trở thành những tri âm, tri kỉ của nhau. Và đó là hai chữ tri kỉ tồn tại trong trái tim người lính, có lẽ vì vậy mà cái tên thiêng liêng và hiện thực: tình đồng chí.

Nếu như những điểm chung thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí thì Chính Hữu đã khắc hoạ những biểu hiện của tình đồng chí thật rõ nét.

Tình đồng chí được bộc lộ và lột tả ngay trong cuộc sống hàng ngày, tưởng chừng giản đơn nhưng đầy những thiếu thốn và khó khăn, gian khổ. Những người lính khi ra đi mang theo một nỗi nhớ:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Những người lính đã thực sự san sẻ một sự thiếu hụt lớn về tinh thần. Sự thiếu thốn tinh thần quả thực khó có thể bù đắp được cho nhau. Nhưng những người lính hiểu rằng, những người bạn tri âm, tri kỉ có thể làm vơi bớt nỗi buồn của nhau. Họ san sẻ với nhau những nỗi nhớ, những tâm trạng và suy tư của người con xa quê. Nơi quê nhà, họ để lại ruộng nương, gian nhà không thiếu vắng bóng dáng họ vào ra. Và đặc biệt, Chính Hữu đã rất tinh tế khi thể hiện nỗi nhớ quê hương qua hình ảnh giếng nước gốc đa nhớ người ra lính. Giếng nước gốc đa luôn là biểu tượng của quê hương nông thôn Việt Nam. Cùng sẻ chia nỗi nhớ nhà, tình đồng chí đã được thể hiện sâu sắc. Nhưng không quá trừu tượng như nỗi đau tinh thần, tình đồng chí còn là sự sẻ chia những khó khăn, thiếu thốn về vật chất trong cuộc sống của người lính cách mạng. Đó là cái giá rét của mùa đông, nơi rừng hoang và đầy sương muối, là từng cơn sốt rét mà mồ hôi ướt đầm vùng trán. Chiến đấu nơi rừng núi hiểm trở, người lính phải chịu đựng sự khắc nghiệt của thời tiết luôn thay đổi. Trong hoàn cảnh ấy, những người lính vẫn luôn sát cánh bên nhau để sẻ chia những thiếu thốn:

Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Dù là manh áo rách, dù là cái buốt lạnh cảm nhận được khi bàn chân không đi giày, nhưng hình ảnh thương nhau tay nắm lấy bàn tay đã minh chứng cho một tình đồng chí, tình tri âm, tri kỉ gắn kết sâu sắc. Tình đồng chí còn là tình thương, sự cảm thông của những người lính trước khó khăn gian khổ.

Và ba câu cuối trong bài thơ đã thực sự khắc hoạ một tình đồng chí trong chiến đấu hiểm nguy. Nếu như những người lính, họ gắn bó với nhau từ khi làm quen, rồi gắn bó với nhau trong cuộc sống thì không lẽ nào những con người cùng chung lí tưởng cách mạng và chiến đấu lại tách rời nhau khi làm nhiệm vụ. Đêm nay rừng hoang sương muối câu thơ khắc hoạ không gian và thời gian khi những người lính chiến đấu. Đó là vào ban đêm nhưng gian khó và khắc nghiệt hơn, là những đêm trong rừng lặng im với không gian đầy sương muối. Nhưng sự lặng im của khu rừng ấy đã làm nổi bật hình ảnh thơ đặc sắc của Chính Hữu:

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Trong gian khổ, trong giá rét, các anh bộ đội Cụ Hồ vẫn hiên ngang sát cánh bên nhau, sẵn sàng chiến đấu. Hình ảnh đó thực sự đặc sắc bởi nó mang ý nghĩa tượng trưng tinh tế. Chính Hữu đã tả thực khi dùng thị giác để miêu tả. Khi trăng chênh bóng người ta sẽ nhìn trăng như treo trên đầu ngọn súng. Nhưng Chính Hữu cũng đã gọi lên sự tượng trưng khi miêu tả bằng cảm nhận, sự liên tưởng và khối óc tinh tế của mình. Cây súng tượng trưng cho người lính cách mạng. Và ánh sáng của vầng trăng lan tỏa trong đêm giá rét thể hiện lí

tướng cách mạng. Sự soi sáng của Bác và Đảng cho những tinh thần chiến đấu. Trong sự lãng mạn của thơ ca cũng có thể coi ánh trăng là biểu tượng hòa bình. Những người lính sát cánh bên nhau, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ sự tự do cho đất nước. Ba câu thơ cuối với hình ảnh đầu súng trăng treo đã lột tả sự gắn kết với nhau trong khó khăn gian khổ của những anh bộ đội Cụ Hồ.

Bằng những hình ảnh thơ đặc sắc, bài thơ Đồng chí đã thể hiện sâu sắc, chân thực tình cảm đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí ấy hiện lên thật thiêng liêng, cao đẹp, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ và đáng trân trọng của những người lính trong cuộc sống và chiến đấu hiểm nguy.

Bài làm 2

Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong quân đội. Thơ ông tuy không nhiều nhưng thường viết về người lính và chiến tranh với nhiều cảm xúc dồn nén, vừa bình dị, vừa thiết tha. Một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là bài thơ “Đồng chí”. Bài thơ mang vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội giản dị, mộc mạc mà sâu sắc của những người lính cách mạng trong những tháng ngày kháng chiến gian lao. Đứng trong hàng ngũ cách mạng, chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc, người lính vượt lên trên mọi gian khổ bằng sự sẻ chia, tinh thần đoàn kết. Họ sống trong tình đồng chí, đồng đội cao đẹp, nhờ đồng đội, vì đồng đội...

Mở đầu bài thơ, ta bắt gặp lời giới thiệu mộc mạc như những lời chào hỏi, hỏi thăm, làm quen nhau buổi đầu gặp gỡ:

“Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo, đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.”

Những người đồng đội ấy thường là những người nông dân mặc áo lính, điểm giống nhau về cảnh ngộ xuất thân giúp họ có thể dễ dàng gần gũi, đồng cảm với nhau. “Anh và tôi” từ những vùng quê khác nhau, chỉ giống nhau bởi cái nghèo khó của đất đai, đồng ruộng. Anh từ miền quê ven biển “nước mặn đồng chua”, tôi ở vùng đất cao “cày lên sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian nan, vất vả mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuyễn khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung ra những làng quê nghèo khó, nơi sinh ra những người lính dũng cảm. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Trước ngày nhập ngũ, những con người này vốn rất xa lạ. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân, tương ái vốn có từ lâu giữa những người lao động. Nhưng họ quen nhau không phải do cái nghèo đói xô đẩy, mà họ quen nhau để đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lý tưởng chung, cùng một mục đích cao cả là chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh anh – tôi riêng biệt đã mờ nhòa, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lý tưởng chiến đấu:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí”

Điệp từ “súng” và “đầu” được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí. Tình cảm ấy đã nảy nở bền chặt trong sự chan hòa, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, niềm hạnh phúc. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”. Chính trong những ngày khó khăn, thiếu thốn ấy, từ “xa lạ” mà họ đã trở thành “tri kỉ” của nhau. Sự vất vả, nguy nan đã gắn kết những người đồng chí, khiến họ trở thành những người bạn tâm giao, gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chất lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính đầy gian khổ, để rồi bao nhiêu yêu thương đã được thể hiện hết qua những hình ảnh vừa gần gũi, vừa tình cảm hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng của tình cảm triu mến, yêu thương với đồng đội.

Từ trong thâm tâm họ, bỗng bật thốt lên hai từ “đồng chí” thật ngắn gọn mà thiêng liêng. Từ “đồng chí” như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình đồng chí, đồng đội. Tình cảm ấy phải trải qua bao khó khăn, thử thách, được tôi luyện trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. “Anh” và “tôi” đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp, có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí”, họ không chỉ còn là những người nông dân nghèo đói, lam lũ mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lí tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên chiến thắng cho dân tộc. Câu thơ vần vẹn có hai chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo.

Bằng việc sử dụng cấu trúc sóng đôi, đối xứng “quê anh” – “làng tôi”, thành ngữ “nước mặn đồng chua”, “đất cày nên sỏi đá”, hình ảnh thực mang nhiều ý nghĩa biểu tượng, bảy câu thơ đầu đã diễn tả sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân, về lí tưởng cao đẹp, về nhiệm vụ chiến đấu. Chính những sự tương đồng ấy đã trở thành niềm đồng cảm, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

Không chỉ dừng lại ở tình đồng chí, đồng đội với những cơ sở tạo nên nó mà tác giả còn nói về sự thấu hiểu, chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của cuộc đời người lính.

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính”

Họ là những người lính gác tình riêng ra đi vì nghĩa lớn, để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những băn khoăn, trăn trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, về cảnh ngộ, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người chiến sĩ. “Ruộng nương” gửi tạm cho “bạn thân cày”, “gian nhà không” để “mặc kệ gió lung lay”. Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi

sinh, tạm gạt sang một bên những toan tính riêng tư. Hai chữ “mặc kệ” đã nói lên được sự kiên quyết, dứt khoát, mạnh mẽ của người lính. Song dù dứt khoát, kiên quyết đến vậy nhưng người lính vẫn luôn nặng lòng với quê hương bởi đó là nơi sinh ra, nuôi dưỡng tâm hồn họ - những người lính nông dân thật thà, chất phác. Hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa: “Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính” càng tô đậm sự gắn bó, yêu thương của người lính đối với quê nhà, nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình.

Ba câu thơ với hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thật thân thương, chan chứa tình quê hương với bao nỗi nhớ thương vui đầy. Hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa làm nổi bật thêm tâm tư, nỗi nhớ nhung của những người đồng chí. Nhắc tới nỗi nhớ da diết ấy, Chính Hữu đã nói đến sự hy sinh không mấy dễ dàng của người lính. Dù vậy nhưng họ vẫn luôn thấu hiểu và chia sẻ cho nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương, bởi sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính.

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá. Tất cả những khó khăn, gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức chân thực, không một chút tô vẽ bởi trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội cụ Hồ mới được thành lập thiếu thốn đủ bề, khó khăn trăm đường. Nhưng dù có khó khăn như vậy mà họ vẫn giữ vững ý chí, quyết tâm cùng với bản lĩnh vững vàng để canh gác, chiến đấu vì Tổ quốc thân yêu của mình.

Chi tiết “miệng cười buốt giá” đã ám lên, sáng lên tình đồng đội và tinh thần lạc quan của người chiến sĩ. Cử chỉ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu ấy không ồn ào nhưng lại thấm thía. Cái nắm tay ấy cũng giống như những cái bắt tay qua cửa kính vỡ của những chàng trai thuộc tiểu đội xe không kính trong thời kì chống Mỹ. Tuy chỉ là một cái nắm tay, bắt tay bé nhỏ thôi nhưng nó lại ẩn chứa một biểu tượng thiêng liêng. Cái nắm tay ấy đã truyền cho những người lính niềm tin, sức mạnh để vượt qua tất cả. Nhà thơ đã phát hiện rất tinh tường cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau, đã tạo nên chiều sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thầm lặng nhưng rất đối thiêng liêng này. Đến với ba câu thơ cuối, ta bắt gặp được một bức tranh đẹp đẽ về tình đồng chí:

“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”

Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc trong một không gian âm u, hoang vắng và lạnh lẽo: “rừng hoang sương muối”. Không chỉ cái gió, cái rét cứ đeo đuổi họ mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ. Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”, cái nơi mà sự sống với cái chết chỉ đến trong gang tấc. Từ “chờ” ở đây cũng đã nói rõ lên cái tư thế hiên ngang, tự tin, sẵn sàng, chủ động đánh giặc của họ. Và khi đó, tầm vóc của những người chiến sĩ ấy càng trở nên lớn lao hơn.

Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích giặc của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở một vị trí nào đấy, vàng trắng như được treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Tình cảm đồng chí ấm áp, thiêng liêng đã mang đến cho người lính nét lãng mạn, cảm hứng thi sĩ trong hiện thực đầy khắc nghiệt qua hình ảnh “đầu súng trăng treo”. Trong hoàn cảnh hết ức gian khổ, khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của vàng trắng. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau – mặt đất và bầu trời, gọi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của hòa bình. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là một cặp tô đậm vẻ đẹp của những đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và niềm tin chiến thắng. Đây là một sáng tạo đầy bất ngờ, góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc. Đây cũng là minh chứng cho bút pháp tả thực và bút pháp lãng mạn của Chính Hữu.

Như vậy, tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở là tình yêu quê hương, đất nước, cùng chung lí tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt đã tôi luyện, thử thách làm cho tình đồng chí, đồng đội của người lính ngày càng bền chặt. Tình cảm thiêng liêng ấy đã giúp cho những người chiến sĩ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, thiếu thốn của cuộc đời người lính, làm điểm tựa để tạo nên chiến thắng hào hùng cho dân tộc.

Bằng việc sử dụng thành ngữ, cấu trúc, hình ảnh sóng đôi giàu tính biểu tượng, hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa, bút pháp hiện thực và bút pháp lãng mạn, “Đồng chí” đã làm hiện và nổi bật lên tình đồng chí cao đẹp vừa giản dị lại vừa thiêng liêng, thơ mộng của những người lính cụ Hồ. Qua đây cũng thể hiện sự xuất sắc của Chính Hữu khi viết về đề tài người lính và chiến tranh.

Bài làm 3

Đồng chí! Ôi tiếng gọi sao mà thân thương tha thiết quá. Nó biểu hiện thật đầy đủ tình đồng đội của anh chiến sĩ Cụ Hồ từ những năm 1948 của thời kì kháng Pháp. Cảm nhận được những tình cảm vừa thân quen vừa mới lạ trong cuộc sống chiến đấu ấy, Chính Hữu, một nhà thơ – người chiến sĩ cách mạng đã xúc động viết bài thơ Đồng chí với những lời thơ dạt dào tình cảm, bài thơ đã để lại bao cảm xúc trong lòng người đọc.

Cả bài thơ thể hiện rõ tình đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người chiến sĩ quân đội nhân dân trong cuộc sống chiến đấu gian khổ của thời kì kháng chiến chín năm. Họ là những người xuất thân từ nhân dân lao động chỉ quen việc “cuộc cày” ở những vùng quê hẻo lánh khác nhau, vì có chung tấm lòng yêu nước, họ đã gặp nhau, từ xa lạ bỗng trở thành thân quen. Chính Hữu đã kể về những con người ấy bằng những lời thơ thật cảm động:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá
Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.

ở đây, tác giả đã phát hiện được hiện tượng tình cảm kì lạ ở những người chiến sĩ. Đó là sự phát triển của tình cảm cách mạng trong quân đội ta. Từ những con người rất “xa lạ” trong đời sống lại trở thành những đồng chí rất thân thương cùng chiến đấu. Nhà thơ đã chọn lựa những chi tiết, những hình ảnh thơ rất chân thực để đặc tả về cuộc sống của người chiến sĩ. Họ đều xuất thân từ những vùng đất khô cằn, nghèo khó “nước mặn đồng chua” “đất cày lên sỏi đá”. Và họ đã gặp nhau từ “xa lạ”. Thật là thú vị, nhà thơ không nói hai người xa lạ mà là “đôi người xa lạ” Đôi là chỉ hai đối tượng cùng đi với nhau. “Đôi người xa lạ” nghĩa là hai người cùng đi với nhau mà lại là xa lạ. Vì thế ý thơ được nhấn mạnh thêm. Hình ảnh “những phương trời xa cách, những con người “chẳng hẹn quen nhau” nói lên cả một sự xa lạ trong không gian và tình cảm. Nhưng khi tham gia kháng chiến, những con người xa lạ ấy đã cùng nhau chiến đấu, cùng chịu đựng gian khổ, chung lưng đấu cật bên nhau. Vì thế, họ trở thành thân nhau, hiểu nhau, thương nhau và gọi nhau là “đồng chí”:

Súng bên súng đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!

Câu thơ vừa tả thực vừa mang ý nghĩa tả tượng trưng “súng bên súng, đầu sát bên đầu”. Tác giả đã tả thực những giờ phút bên nhau cùng chiến đấu đồng thời hình ảnh ấy còn tượng trưng cho sự nghiệp chiến đấu chung, lí tưởng cách mạng chung của quân đội ta. Câu thơ giúp ta hiểu thêm “đôi người xa lạ” ấy đã nảy nở một tình cảm mới khi họ cùng chiến đấu cùng một lý tưởng lớn lao. Tình cảm ấy thật thân thương, thật tha thiết. Giọng thơ đang tuôn liền mạch nhẹ nhàng bỗng bị ngắt nhịp đột ngột. Từ “đồng chí” lại được tách thành một câu riêng, một đoạn riêng. Với cấu trúc thơ khác thường ấy, tác giả làm nổi bật ý thơ. Nó như một nốt nhấn của bản nhạc, bật lên âm hưởng gây xúc động lòng người. Câu thơ chỉ có một từ: “Đồng chí” – một tiếng nói thiêng liêng. “Đồng chí” , một sự cảm kích về nhiều đổi thay kì lạ trong quan hệ tình cảm. Thế là thành “đồng chí”.

Tình cảm ấy lại được biểu hiện cụ thể trong cuộc sống chiến đấu. Những lúc kẻ cận bên nhau, họ lại kể nhau nghe chuyện quê nhà. Chuyện “ruộng nương gửi bạn thân cày” “gian nhà không mặc kệ gió lung lay” cả chuyện “giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính...”. Từ những lời tâm tình ấy cho ta hiểu rằng các anh chiến sĩ mỗi người đều có một quê hương, có những kỉ niệm thân thiết gắn bó với quê nhà và khi ra đi hình bóng quê hương đều mang theo trong lòng họ. Các anh lại cùng chia ngọt sẻ bùi, cùng chịu gian khổ bên nhau. Trong gian lao

vất vả họ lại tìm được niềm vui, niềm hạnh phúc trong mối tình đồng chí. Làm sao các anh có thể quên được những lúc cùng nhau chịu đựng gian khổ “tùng cơn ớn lạnh”, những lúc “sốt run người vàng trán ướt mồ hôi”. Cuộc sống bộ đội nghèo, vất vả nhưng không thiếu niềm vui. Dầu “áo anh” có “rách vai”, “quần tôi” có “vài mảnh vá” dầu trời có “buốt giá” thì miệng vẫn cười tươi. Bằng những chi tiết rất thực, nhà thơ đã miêu tả rõ nét cuộc sống chiến đấu gian khổ và sự gắn bó của tình đồng đội keo sơn. Tình cảm chân thành tha thiết ấy không diễn tả bằng lời mà lại thể hiện bằng cách “nắm lấy bàn tay” “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Thật giản dị và cảm động. Không phải là những vật chất của cải, không phải là những lời hoa mỹ phô trương. Những người chiến sĩ biểu hiện tình đồng chí bằng cách “tay nắm lấy bàn tay”. Chính đôi tay nắm chặt ấy đã nói lên tất cả những ý nghĩa thiêng liêng, cao đẹp của mối tình đồng chí. Đoạn thơ với nhiều nét tả thực mà không trần trụi, vẫn gợi cảm nhờ hình ảnh “anh với tôi” gắn bó dọc bài thơ và hình ảnh cảm động “thương nhau” nhưng không biết làm sao, chỉ biết lặng lẽ “tai nắm lấy bàn tay”. Chỉ có những con người cùng chung ý chí và lí tưởng cao cả mới có những biểu hiện tình cảm đáng quý như thế.

Mối tình đồng chí lại được lắng đọng bằng hình ảnh đẹp rực sáng ở khổ cuối bài thơ:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Câu thơ vừa tả thực vừa mang nét tượng trưng. Tác giả tả cảnh những người lính canh gác trong đêm trăng đầy sương muối. Súng hướng mũi lên trời, có ánh trăng lơ lửng giữa trời như treo trên đầu ngọn súng. Đồng thời hình ảnh “Đầu súng trăng treo” còn mang ý nghĩa tượng trưng. Đó là sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn, vừa thực vừa mơ, vừa xa lại vừa gần, vừa mang tính chiến đấu lại vừa mang tính trữ tình. Vừa chiến sĩ vừa thi sĩ. Đây là hình ảnh đẹp tượng trưng cho tình cảm trong sáng của người chiến sĩ. Mối tình đồng chí đang nảy nở, vươn cao, tỏa sáng từ cuộc đời chiến đấu. Hình ảnh thơ thật độc đáo, gây xúc động bất ngờ, thú vị cho người đọc. Nó nói lên đầy đủ ý nghĩa cao đẹp của mục đích lí tưởng chiến đấu và mối tình đồng chí thiêng liêng của anh bộ đội Cụ Hồ.

Toàn bộ bài thơ bằng ngôn ngữ cô đọng, hình ảnh chân thực gợi tả có sức khái quát cao, Chính Hữu đã cho ta thấy rõ quá trình phát triển của một tình cảm cách mạng trong quân đội, ở đây, nhà thơ đã xây dựng hình ảnh thơ từ những chi tiết thực của cuộc sống đời thường ở những người chiến sĩ, không phô trương, không lãng mạn hóa, thi vị hóa. Và chính những nét thực đó tạo nên sự thành công cho tác phẩm. Bài thơ đánh dấu một bước ngoặt mới trong phương pháp sáng tác về cách xây dựng hình tượng người chiến sĩ trong giai đoạn chống Pháp.

Đồng chí! Đọc xong bài thơ trong mỗi chúng ta đều lắng lại những cảm xúc dạt dào. Chúng ta đã cảm nhận được mối tình đồng chí đậm đà ấy qua những lời thơ nhẹ nhàng tha thiết như bài hát tâm tình của Chính Hữu. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi vẻ vang, trang sử vàng đã sang qua bao nhiêu giai đoạn mới, thế nhưng mỗi lần đọc lại bài thơ Đồng chí ta như thấy rõ hình ảnh

của anh bộ đội Cụ Hồ hiện lên sáng rực thật cao đẹp trong những lời thơ của Chính Hữu.